

Bản số: 61/2022/HNGS-ST

Ngày 06-9-2022

V/v "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Đức Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Bói, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Thôn Chàng, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bói, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Tại đơn xin ly hôn ngày 02/6/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:**

Chị và anh Đỗ Văn Q kết hôn ngày 07/11/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở phường Long Bình được khoảng 05 năm. Năm 2012 thì vợ chồng chị về Việt Yên sinh sống. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm. Đến khoảng 6/2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh Q hay rượu chè, ham chơi không

chịu làm ăn, hai vợ chồng có cãi vã nhau, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh Q không chịu cải sửa, làm ăn. Hai vợ chồng chị hiện nay vẫn sống cùng nhà, nhưng ăn ở riêng, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đỗ Như Quỳnh, sinh ngày 21/3/2008; Đỗ Quỳnh Anh, sinh ngày 17/12/2010 và Đỗ Tấn Phong, sinh ngày 26/6/2017. Hiện con chung cháu Quỳnh đang ở với chị do chị nuôi dưỡng, còn cháu Anh và cháu Phong đang ở với anh Q. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Quỳnh và để anh Q nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Anh, cháu Phong, chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị đang làm bán hàng ở phố Chàng, xã Việt Tiến, Việt Yên thu nhập trung bình một tháng khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Thời gian bán hàng từ sáng đến tối, chị vẫn có đủ thời gian đảm bảo đưa đón các cháu ăn học. Chị có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Hiện anh Q đang làm công ty ở Quang Châu, có thu nhập đủ điều kiện nuôi 02 con chung, khi anh Q đi làm có bố mẹ chăm sóc con cái giúp.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Đối với anh Đỗ Văn Q là bị đơn trong vụ án tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Anh và chị Y kết hôn năm 2007, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau, thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị Y không quan tâm đến chồng con, anh đã nhiều lần góp ý nhưng chị Y không thay đổi. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Như Quỳnh, sinh năm 2008; Đỗ Quỳnh Anh, sinh năm 2010; Đỗ Tấn Phong, sinh năm 2017. Hiện con chung cháu Quỳnh đang ở với chị Y, cháu Anh, cháu Phong đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện anh đang làm công ty ở Quang Châu, có thu nhập, có đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đỗ Văn Q vắng mặt.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Y chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Q không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227;

Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Y nuôi dưỡng 01 con chung là Đỗ Như Quỳnh, sinh ngày 21/3/2008. Giao anh Đỗ Văn Q nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Quỳnh Anh, sinh ngày 17/12/2010 và Đỗ Tấn Phong, sinh ngày 26/6/2017. Chị Y và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Doanh và anh Minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y, anh Q.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Y và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh Q có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, anh Q ham chơi không chịu làm ăn, hai vợ chồng cãi vã nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Y, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh Q vẫn không chịu cải sửa. Hai vợ chồng chị không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tại biên bản lấy lời khai anh Q có trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do chị Y không quan tâm chồng con, anh nhiều lần góp ý nhưng chị Y không thay đổi, anh đề nghị hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Q, thông báo hòa giải anh Q cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị Y, anh Q thời gian gần đây có xảy ra mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn giữa chị Y, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị Y, anh Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Như Quỳnh, sinh ngày 21/3/2008; Đỗ Quỳnh Anh, sinh ngày 17/12/2010 và Đỗ Tấn Phong, sinh ngày 26/6/2017. Hiện con chung cháu Quỳnh đang ở với chị Y do chị nuôi dưỡng, còn cháu Anh và cháu Phong đang ở với anh Q, do anh Q nuôi dưỡng. Ly hôn chị Y nhận nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Quỳnh và để anh Q nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Anh, cháu Phong, chị Y và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị đang làm bán hàng ở phố Chàng, xã Việt Tiến, Việt Yên thu nhập trung bình một tháng khoảng 15.000.000 đồng. Thời gian bán hàng từ sáng đến tối, chị vẫn có đủ thời gian đảm bảo đưa đón 01 con chung, anh Q tại biên bản lấy lời khai đề nghị giải quyết con chung theo quy định của pháp luật. Hiện anh đang làm công ty ở Quang Châu, có thu nhập có đủ điều kiện nuôi con chung. Tại bản tự khai của cháu Quỳnh có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Anh xin được ở với bố. Chị Y, anh Q đều có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con tốt. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Y nuôi dưỡng 01 con chung, anh Q nuôi dưỡng 02 con chung và chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Y, giao chị Y nuôi dưỡng con chung là cháu Quỳnh, giao anh Q nuôi dưỡng con chung là cháu Anh, cháu Phong là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Quỳnh, cháu Anh, cháu Phong. Sau khi ly hôn, chị Y, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y, anh Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Y, anh Q xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Y tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Đỗ Như Quỳnh, sinh ngày 21/3/2008. Giao cho anh Đỗ Văn Q nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Quỳnh Anh, sinh ngày 17/12/2010 và Đỗ Tấn Phong, sinh ngày 26/6/2017.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Y, anh Q thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí:

Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006432 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND phường Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân